TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KẾ SÁCH** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **45**/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 21/8/2017
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Hồ Văn Phụng**
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Trần Xươnne**
2. Bà **Tăng Thị Bạch Vân**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Hạnh**– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng *tham gia phiên tòa:* Ông **Dương Thanh Hậu**– Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm, công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 201/2017/TLST-HNGĐ, ngày 19/6/2017 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 120/2017/QĐXXST-HNGĐ, ngày 17 tháng 7 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 87/2017/QĐST-HNGĐ, ngày 04/8/2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị H**, địa chỉ: ấp G, xã H, huyện K, tỉnh Sóc Trăng

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn Đ**, địa chỉ: ấp T, xã H, huyện K, tỉnh Sóc Trăng

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Huỳnh Thị N**, địa chỉ: ấp G, xã H, huyện K, tỉnh Sóc Trăng

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 19/6/2017, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn Đ kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện vào ngày 29/9/2016 và được UBND xã H cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 01/11/2016. Lúc đầu sống rất hạnh phúc, đến tháng 5/2017 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông Đ không lo làm ăn, chỉ lo cờ bạc, vợ chồng thường xuyên cải vả qua lại về vấn đề trên, nên ông Đ thường xuyên đánh đập bà và đến tháng 5/2017 thì vợ chồng sống ly thân cho đến nay, sau khi ly thân gia đình hai bên và vợ chồng bà cũng không gặp nhau bàn bạc. Nay bà H xin ly hôn với ông Đ.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống ông bà không có con chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Hiện nay vợ chồng còn nợ mẹ ruột bà là Huỳnh Thị N 02 chỉ vàng 24k, do mẹ bà quyết định.

* Tại biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải cùng ngày 14/7/2017, bị đơn ông Nguyễn Văn Đ trình bày: Ông và bà H cưới nhau theo phong tục tập quán ngày 29/9/2016 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H vào ngày 01/11/2016. Lúc đầu sống rất hạnh phúc, đến ngày 10/5/2017 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do ông có mời 02 người anh chị đến phòng trọ nhậu, sau khi mời họ xong thì họ chưa tới và ông đã mua đồ xong thì vợ ông bỏ đi bên em vợ, ông có điện thoại kêu vợ về thì vợ không về, ông trực tiếp qua kêu bà H về nhưng bà H cũng không về, nên vợ chồng có cự cải qua lại và sau đó ông có đánh bà H một bạc tay thì ông bỏ về phòng trọ, khi về phòng trọ thì ông có nhắn tin cho bà H là sáng hôm sau ông trả phòng trọ và đi về quê, kể từ đó ông bà sống ly thân cho đến nay, sau khi ly thân gia đình hai bên và ông với bà H không gặp nhau bàn bạc; về con chung, về tài sản chung, nợ chung ông hoàn toàn thống nhất theo lời trình bày của bà H.

Theo yêu cầu của bà H, ông không đồng ý ly hôn với bà H, vì còn thương yêu vợ; về con chung; về tài sản chung là không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung do mẹ vợ quyết định.

* Tại biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải cùng ngày 14/7/2017, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị N trình bày: Bà có cho vợ chồng H, Đ mượn 02 chỉ vàng 24k và hiện nay chưa trả cho bà. Nếu vợ chồng H, Đ ly hôn thì bà không yêu cầu Tòa án giải quyết vụ nợ của bà với H, Đ trong vụ án ly hôn này, nếu cần thì bà sẽ khởi kiện vụ án khác.

* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách tham gia phiên tòa sơ thẩm có ý kiến phát biểu nhận xét về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nhìn chung đều thực hiện đúng theo các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự; đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Văn Đ là bị đơn không có yêu cầu phản tố và bà Huỳnh Thị N là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng

mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Đ và bà N.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn Đ tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán tại địa phương ngày 29/9/2016, không ai ép buộc và ông bà có đăng ký kết hôn đảm bảo đúng theo quy định tại các Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình, nên quan hệ hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, kinh tế ông bà gặp khó khăn, vợ chồng đối xử với nhau không tế nhị nên ông Đ có đánh bà H, nhưng vợ chồng không tìm biện pháp cùng nhau khắc phục, nên vợ chồng thường xuyên cải vả dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng cho nên vợ chồng đã sống ly thân từ ngày 10/5/2017 cho đến nay, cũng như sau khi Tòa án thụ lý có mời hai bên đến hòa giải và có thời gian để hai ông bà tìm biện pháp để vợ chồng hàn gắn lại, nhưng đến thời điểm này cả hai người cũng không có một biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tại tòa hôm nay, bà H kiên quyết ly hôn với ông Đ; phía ông Đ vắng mặt tại tòa và tại biên bản lấy khai và biên bản hòa giải cùng ngày 14/7/2017, ông Đ không đồng ý ly hôn với bà H vì còn thương vợ và cũng không có biện pháp để vợ chồng đoàn tụ với nhau. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân của ông bà thực sự là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, xử cho bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Văn Đ.

[3] Về con chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Do bà Huỳnh Thị N không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm b khoản 1 Điều 3, điểm a khoản 1 Điều 24 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, bà Nguyễn Thị Hằng chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ như nhận định trên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 của Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 3; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

- Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

*** Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Văn Đ.

2. Về con chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

4. Về nợ chung: Do bà Huỳnh Thị N không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị H chịu 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007498, ngày 19/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Sóc Trăng. Ông Nguyễn Văn Đ không phải chịu án phí.

6. Về quyền kháng cáo bản án: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng (để BC);
- VKSND huyện Kế Sách;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các bên đương sự;
- UBND xã H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hồ Văn Phụng